

**TOÁN****Ngày, giờ ( Tiết 1)****I.Mục tiêu:****\*Kiến thức, kĩ năng:**

- Nhận biết được 1 ngày có 24 giờ.  
Cảm nhận được khoảng thời gian 1 giờ và 1 ngày.  
Làm quen với khoảng thời gian, bước đầu phân biệt thời điểm và khoảng thời gian.
- Nhận biết một ngày có các buổi: sáng, trưa, chiều, tối, đêm và hai cách đọc giờ vào buổi chiều, tối, đêm.
- Biết xem giờ trên đồng hồ điện tử.
- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến thời gian.

**\*Năng lực, phẩm chất:**

-Năng lực : tư duy và lập luận toán học; mô hình hoá toán học; giao tiếp toán học; giải quyết vấn đề toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập, trung thực, trách nhiệm

\*Tích hợp: TN & XH; Toán học và cuộc sống

**III. Chuẩn bị:**

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có); mô hình đồng hồ

- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV; mô hình đồng hồ

**III. Các hoạt động dạy học:**

<b>TL</b>	<b>Hoạt động của giáo viên.</b>	<b>Hoạt động của học sinh.</b>
<b>2'</b>	<b>A.KHỞ ĐỘNG :</b> - GV cho chơi Trò chơi: ĐÓ BẠN +GV đọc giờ - HS quay kim đồng hồ (hoặc ngược lại). Nhóm nào đúng và nhanh nhất thì thắng cuộc. -Vào bài mới	- HS chơi
<b>18'</b>	<b>B.BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH:</b>	
	<b>Hoạt động . Giới thiệu đơn vị ngày, giờ</b> <b>a/Giới thiệu đơn vị giờ</b> -GV đưa ra một tình huống : Ví dụ: Bây giờ là 8 giờ, từ lúc 7 giờ đến bây giờ chúng ta đã làm những việc gì?	-HS quan sát , nhận biết  -HS đọc phép tính

	<p>-GV giới thiệu: Từ 7 giờ đến 8 giờ là 1 giờ, giờ là đơn vị đo thời gian</p> <p>1 ngày có 24 giờ. 24 giờ trong 1 ngày được tính từ 12 giờ đêm hôm trước đến 12 giờ đêm hôm sau</p> <p><b>b/Giới thiệu cách đọc giờ theo buổi:</b></p> <p>-Cho HS sử dụng đồng hồ 2 kim, cho HS quay kim theo giờ chỉ định</p> <p>-Cho HS mở SGK lần lượt đọc giờ và xoay kim theo hình vẽ</p> <p>-Tổ chức cho HS chơi trò chơi Đố bạn:</p> <p>-GV tổng kết, tuyên dương</p>	<p>-HS thực hiện tính</p> <p>-HS nhắc lại</p>
<b>12'</b>	<b>C.THỰC HÀNH</b>	
	<p><b>Bài 1:</b></p> <p>-HS nêu yêu cầu bài tập</p> <p>-HD HS .</p> <p>+Một HS xoay kim đồng hồ và nói giờ</p> <p>+Một HS viết giờ buổi chiều (tối, đêm) vào bảng con.</p> <p>-GV nhận xét.</p>	<p>- HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>-HS thực hiện</p> <p>-HS khác nhận xét</p>
	<p><b>Bài 2:</b></p> <p>-HS nêu yêu cầu bài tập</p> <p>-HD HS .</p> <p>+ Đây là bức tranh nói về các hoạt động của bạn Minh trong một ngày (24 giờ).</p> <p>+Quan sát từng hoạt động gắn với từng cái đồng hồ rồi nói theo mẫu:</p> <p>Lúc 6 giờ sáng, Minh thức dậy.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Minh đi học lúc mấy giờ?.....</li> </ul> <p>-GV nhận xét.</p>	<p>- HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>-HS thực hiện</p> <p>-HS nhận xét</p>
<b>3'</b>	<b>C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ</b>	
	<p>- ? 1 ngày có bao nhiêu giờ?</p> <p>- Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau.</p>	<p>-HS trả lời, ghi nhớ</p> <p>-HS lắng nghe, thực hiện</p>

# TOÁN

## Ngày, giờ (Tiết 2)

### I. Mục tiêu:

#### \*Kiến thức, kĩ năng:

- Nhận biết được 1 ngày có 24 giờ.

Cảm nhận được khoảng thời gian 1 giờ và 1 ngày.

Làm quen với khoảng thời gian, bước đầu phân biệt thời điểm và khoảng thời gian.

- Nhận biết một ngày có các buổi: sáng, trưa, chiều, tối, đêm và hai cách đọc giờ vào buổi chiều, tối, đêm.

- Biết xem giờ trên đồng hồ điện tử.

- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến thời gian.

#### \*Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực : tư duy và lập luận toán học; mô hình hoá toán học; giao tiếp toán học; giải quyết vấn đề toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập, trung thực, trách nhiệm

\*Tích hợp: TN & XH; Toán học và cuộc sống

### III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có); mô hình đồng hồ

- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV; mô hình đồng hồ

### III. Các hoạt động dạy học:

TL	Hoạt động của giáo viên.	Hoạt động của học sinh.
7'	<b>A.KHỞI ĐỘNG :</b> -HS hát bài hát -Vào bài mới	- HS chơi
25'	<b>B.LUYỆN TẬP</b> <b>Bài 1:</b> -HS nêu yêu cầu bài tập -GV giới thiệu về đồng hồ điện tử -GV:Đây là các hoạt động của bạn Hà trong một ngày Chủ nhật, các hoạt động diễn ra theo thứ tự thời gian, từ hình a đến hình g -HD HS nói theo mẫu -Yêu cầu HS nói trước lớp -GV nhận xét.	- HS nêu yêu cầu bài tập. -HS lắng nghe -HS làm việc theo nhóm đôi -HS nhận xét

	<p><b>Bài 2:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-HS nêu yêu cầu bài tập</li> <li>-HD HS xác định khoảng thời gian 1 giờ hay 1 ngày.</li> <li>-Giúp HS nhận biết: Hình vẽ các thành viên trong gia đình với công việc quen thuộc. Xác định khoảng thời gian cần để thực hiện công việc đó.</li> <li>-GV nhận xét.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nêu yêu cầu bài tập.</li> <li>-HS thực hiện</li> <li>-HS nhận xét</li> </ul>
	<p><b>Bài 3:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nêu yêu cầu bài tập</li> <li>-HD HS thực hiện</li> <li>-GV theo dõi</li> <li>-GV nhận xét</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-HS nêu yêu cầu bài tập.</li> <li>-HS thực hiện</li> <li>-HS nhận xét</li> </ul>
3'	<p><b>C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Em học được gì sau bài học?</li> <li>- Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-HS lắng nghe, thực hiện</li> </ul>

## TOÁN

### Ngày, tháng ( Tiết 1)

#### I.Mục tiêu:

##### \***Kiến thức, kĩ năng:**

- Nhận biết được số ngày trong tháng.
- Biết xem lịch tháng.
- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến thời gian.
- Nhận biết được một số ngày lễ quan trọng gần gũi với HS.

##### \***Năng lực, phẩm chất:**

-Năng lực : tư duy và lập luận toán học; mô hình hoá toán học; giao tiếp toán học; giải quyết vấn đề toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập, trung thực, trách nhiệm

\*Tích hợp: TN & XH; Toán học và cuộc sống

#### III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có); quyển lịch tháng, lịch ngày

- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV; quyển lịch tháng, lịch ngày

#### III. Các hoạt động dạy học:

<b>TL</b>	<b>Hoạt động của giáo viên.</b>	<b>Hoạt động của học sinh.</b>
<b>2'</b>	<b>A.KHỞI ĐỘNG :</b> - GV cho chơi Trò chơi: ĐỐ BẠN + HD HS đố bạn về ngày tháng trên tờ lịch - Vào bài mới	- HS chơi
<b>18'</b>	<b>B.BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH:</b>	
	<b>Hoạt động . Giới thiệu tờ lịch tháng</b> -GV đưa ra một tờ lịch ngày hôm nay, hướng dẫn HS xem thứ, ngày, tháng trên tờ lịch. -GV: Xem trên tờ lịch này, chúng ta chỉ biết thứ, ngày, tháng của hôm nay; còn các ngày khác trong tháng và đặc biệt có biết được tháng này có bao nhiêu ngày không? - GV giới thiệu: Tờ lịch tháng. - GV: +Các ngày trong tháng 12 được viết bởi các số liên tiếp từ ngày 1 đến ngày 31. +Tháng 12 có 31 ngày. -GV hướng dẫn HS cách xem lịch, đọc viết thứ, ngày, tháng (hôm qua - hôm nay - ngày mai - tuần sau ...). Ví dụ: Hôm nay là thứ Ba, ngày 14 tháng 12. Ngày mai là thứ ..... Tuần sau là..... -GV nhận xét, sửa chữa	-HS quan sát , nhận biết          -HS thực hiện
<b>12'</b>	<b>C.THỰC HÀNH</b>	
	<b>Bài 1:</b> -HS nêu yêu cầu bài tập -HD HS làm việc theo nhóm đôi: Thay nhau trả lời câu hỏi trong SGK a) Tháng 12 có 31 ngày. b) Ngày hai mươi lăm tháng Mười hai là thứ Bảy. c) Trong tháng 12 có 4 ngày Chủ nhật. Đó là các ngày: 5, 12, 19, 26.  -GV nhận xét.	- HS nêu yêu cầu bài tập.   -HS thực hiện       -HS khác nhận xét
	<b>Bài 2:</b> - HS nêu yêu cầu bài tập - GV chỉ vào dòng: thứ, ngày, tháng trên bảng cho HS	- HS nêu yêu cầu bài tập.

	<p>đọc rồi GV chỉ vào ngày trên lịch cho HS đọc lại thứ, ngày, tháng (của hôm nay).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV chỉ vào ngày 1/12.</li> <li>- Một HS đọc và một HS viết trên bảng con: Thứ Tư, ngày 1 tháng 12.</li> <li>- HS thực hiện : Nhóm hai HS thay nhau (đọc viết theo mẫu.</li> </ul> <p>-GV nhận xét.</p>	<p>-HS đọc</p> <p>-HS làm việc theo nhóm đôi</p> <p>-HS nhận xét</p>
<b>3'</b>	<p><b>C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Em học được gì qua bài học ngày hôm nay?</li> <li>- Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau.</li> </ul>	<p>-HS trả lời, ghi nhớ</p> <p>-HS lắng nghe, thực hiện</p>

## **TOÁN**

### **Ngày, tháng ( Tiết 2)**

#### **I.Mục tiêu:**

##### **\*Kiến thức, kĩ năng:**

- Nhận biết được số ngày trong tháng.
- Biết xem lịch tháng.
- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến thời gian.
- Nhận biết được một số ngày lễ quan trọng gần gũi với HS.

##### **\*Năng lực, phẩm chất:**

-Năng lực : tư duy và lập luận toán học; mô hình hoá toán học; giao tiếp toán học; giải quyết vấn đề toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập, trung thực, trách nhiệm

\*Tích hợp: TN & XH; Toán học và cuộc sống

#### **III. Chuẩn bị:**

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có); quyển lịch tháng, lịch ngày

- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV; quyển lịch tháng, lịch ngày

#### **III. Các hoạt động dạy học:**

<b>TL</b>	<b>Hoạt động của giáo viên.</b>	<b>Hoạt động của học sinh.</b>
<b>7'</b>	<p><b>A.KHỞI ĐỘNG :</b></p> <p>-HS hát bài hát</p>	<p>- HS chơi</p>

	-Vào bài mới	
<b>25'</b>	<b>B.LUYỆN TẬP</b>	
	<p><b>Bài 1:</b></p> <p>-HS nêu yêu cầu bài tập</p> <p>-GV giới thiệu:Tương tự tháng 12, các ngày trong tháng 1 cũng được viết bởi các số liên tiếp từ ngày 1 đến ngày 31. (GV chỉ vào vị trí số 31 trên tờ lịch và nói rõ tại sao số 31 được viết vào ô trên đầu tờ lịch thay vì viết tiếp sau số 30: theo quy ước về khung lịch).</p> <p>-GV Hd: đọc tiếp các ngày còn thiếu, xác định ngày Chủ nhật tuần trước và tuần sau ngày Chủ nhật 16/1.</p> <p>-Yêu cầu HS nói trước lớp</p> <p>-GV nhận xét.</p>	<p>- HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>-HS lắng nghe</p> <p>-HS đọc</p> <p>-HS nhận xét</p>
	<p><b>Bài 2:</b></p> <p>-HS nêu yêu cầu bài tập</p> <p>-HD HS nêu ( như bài 1)</p> <p>-GV nhận xét.</p> <p>-GV giới thiệu: Ngày 30/4 và ngày 1/5.</p> <p>Ngày 30 tháng 4 là ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.</p> <p>Ngày 1/5 là ngày Quốc tế Lao động, đây là ngày hội lớn của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Việt Nam. Đây cũng là ngày biểu thị tình đoàn kết hữu nghị với giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới, cùng đấu tranh cho thắng lợi của hoà bình, tự do, dân chủ và tiến bộ xã hội.</p>	<p>- HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>-HS thực hiện</p> <p>-HS nhận xét</p> <p>-HS lắng nghe</p>
<b>3'</b>	<b>C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ</b>	
	<p>-Em học được gì sau bài học?</p> <p>- Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau.</p>	-HS lắng nghe, thực hiện

## **TOÁN**

### **Em làm được những gì? (Tiết 1)**

#### **I.Mục tiêu:**

#### **\*Kiến thức, kĩ năng:**

- Ôn tập cộng, trừ trong phạm vi 100.

- Ôn tập biểu đồ tranh.
- Ôn tập về ngày, giờ, xem lịch.
- Vận dụng giải quyết vấn đề đơn giản

**\*Năng lực, phẩm chất:**

-Năng lực : tư duy và lập luận toán học; mô hình hoá toán học; giao tiếp toán học; giải quyết vấn đề toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập, trung thực, trách nhiệm

\*Tích hợp: TN & XH; Toán học và cuộc sống

**III. Chuẩn bị:**

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có); bộ xếp hình

- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV;bộ xếp hình

**III. Các hoạt động dạy học:**

<b>TL</b>	<b>Hoạt động của giáo viên.</b>	<b>Hoạt động của học sinh.</b>
<b>2'</b>	<b>A.KHỞI ĐỘNG :</b> - GV cho HS bắt bài hát -Vào bài mới	- HS hát -HS lắng nghe
<b>30'</b>	<b>C.LUYỆN TẬP</b>	
	<b>Bài 2:</b> -HS nêu yêu cầu bài tập -GV giới thiệu khái quát (các hình ảnh nói về cái gì?). -Lưu ý HS khi quan sát hình ảnh: Thứ mấy? _ Ngày bao nhiêu? _ Tháng mấy? Mấy giờ? _ Buổi gì? _ Làm gì? -HD HS Xem đồng hồ, xem lịch, tìm khoảng thời gian. -GV nhận xét -GV giáo dục HS phép lịch sự khi đi trên những phương tiện công cộng: đến đúng giờ, ngồi đúng số ghế, không nói chuyện ồn ào, không xả rác bừa bãi,....	- HS nêu yêu cầu bài tập. -HS lắng nghe  -HS thực hiện theo nhóm  -HS chia sẻ trước lớp -HS khác nhận xét  -HS lắng nghe
<b>3'</b>	<b>C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ</b> - Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau.	-HS lắng nghe, thực hiện



## **TOÁN**

# **Em làm được những gì? (Tiết 2)**

### **I. Mục tiêu:**

#### **\*Kiến thức, kĩ năng:**

- Ôn tập cộng, trừ trong phạm vi 100.
- Ôn tập biểu đồ tranh.
- Ôn tập về ngày, giờ, xem lịch.
- Vận dụng giải quyết vấn đề đơn giản

#### **\*Năng lực, phẩm chất:**

- Năng lực : tư duy và lập luận toán học; mô hình hoá toán học; giao tiếp toán học; giải quyết vấn đề toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập, trung thực, trách nhiệm

\*Tích hợp: TN & XH; Toán học và cuộc sống

### **III. Chuẩn bị:**

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có); bộ xếp hình

- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV; bộ xếp hình

### **III. Các hoạt động dạy học:**

<b>TL</b>	<b>Hoạt động của giáo viên.</b>	<b>Hoạt động của học sinh.</b>
<b>2'</b>	<b>A.KHỞ ĐỘNG :</b> - GV cho HS bắt bài hát - Vào bài mới	- HS hát - HS lắng nghe
<b>30'</b>	<b>C.LUYỆN TẬP</b>	
	<b>Bài 2:</b> - HS nêu yêu cầu bài tập - HD HS đọc và nêu nhận xét đơn giản từ biểu đồ tranh *Tìm hiểu về một số con vật ở một vườn thú, người ta thu thập, phân loại, kiểm đếm và thể hiện qua biểu đồ tranh trong SGK trang 113. +Đọc và mô tả các số liệu: Biểu đồ này gồm mấy cột? (4 cột). Tại sao là 4 cột? (vì các con thú được phân thành 4 loại) Mỗi cột thể hiện số con thú của một loại thú. Mỗi con thú được thể hiện như thế nào? (hình vẽ).	- HS nêu yêu cầu bài tập. - HS thực hiện  - HS thực hiện theo nhóm

	<p>+Nêu nhận xét đơn giản từ biểu đồ tranh: HS (nhóm đôi) xem biểu đồ và trả lời các câu hỏi.</p> <p><b>Trò chơi Bin-gô</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV phát cho HS: mỗi em một thẻ BIN-GÔ có kẻ sẵn ô số.</li> <li>- GV nêu luật chơi rồi lần lượt đọc và viết các phép tính lên bảng, <math>g - i</math> (Cộng, trừ trong phạm vi 100).</li> </ul> <p>t</p> <p>l</p> <p style="text-align: right;">*</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh tính rồi khoanh vào số chỉ kết quả trên thẻ.</li> <li>- HS nào khoanh đủ ba số theo một hàng (hàng dọc, hàng ngang hay hàng chéo) thì thắng cuộc và hô lớn “Bin-gô!”</li> </ul> <p>Giáo viên và các bạn cùng kiểm tra kết quả các phép tính của bạn thắng cuộc.</p> <p><b>Đất nước em</b></p> <p>Gv giới thiệu về đất nước Cà Mau có nhiều hải sản tươi ngon, nổi tiếng nhất là cua Cà Mau.</p> <p>GV giúp HS xác định vị trí tỉnh Cà Mau trên bản đồ (SGK trang 130).</p>	<p>-HS chia sẻ trước lớp -HS khác nhận xét</p> <p>-HS chơi trò chơi</p> <p>-HS lắng nghe</p>
3'	<p><b>C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ</b></p> <p>- Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau.</p>	<p>-HS lắng nghe, thực hiện</p>



## TOÁN

# Em làm được những gì? (Tiết 2)

### I. Mục tiêu:

#### \*Kiến thức, kĩ năng:

- Tính nhẩm: cộng, trừ nhẩm các số trong phạm vi 20 và các số tròn chục.
- Thực hiện các phép cộng, trừ (không nhớ, có nhớ trong phạm vi 100).
- Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính (+, -).
- Vận dụng sơ đồ tách - gộp số để tìm kết quả và tìm thành phần trong phép cộng, phép trừ.
- Giải quyết các vấn đề đơn giản liên quan đến độ dài và thời gian (đo độ dài, cộng trừ các số đo độ dài với đơn vị đo xăng-ti-mét; xem lịch, xem đồng hồ).

#### \*Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.
- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.
- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập, trung thực, trách nhiệm

\*Tích hợp: TN & XH

### III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có)
- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV

### III. Các hoạt động dạy học:

<i>TL</i>	<i>Hoạt động của giáo viên.</i>	<i>Hoạt động của học sinh.</i>
<b>2'</b>	<b>A.KHỞ ĐỘNG :</b> - GV cho HS bắt bài hát - Vào bài mới	- HS hát - HS lắng nghe
<b>30'</b>	<b>C.LUYỆN TẬP</b>	
	<b>Bài 4:</b> - HS nêu yêu cầu bài tập - HD HS xác định số trên mỗi cái túi (dựa vào tia số), mỗi bạn nhỏ cầm một bài toán, kết quả của bài toán	- HS nêu yêu cầu bài tập. - HS làm bài cá nhân

	<p>chính là số trên túi.</p> <p>-GV theo dõi</p> <p>-GV nhận xét, củng cố</p>	-HS khác nhận xét
	<p><b>Vui học</b></p> <p>-Yêu cầu HS thảo luận để xác định các yêu cầu: đo, tính, so sánh.</p> <p>-HS làm bài cá nhân</p> <p>-GV nhận xét sửa chữa:</p> <p>a)Quãng đường Sên Xanh đi dài 10 cm. Sên Đỏ đi được 14 cm (vì Sên Đỏ đi được hai quãng đường dài 8 cm và 6 cm, HS có thể đo nối tiếp hai đoạn đường, cũng có thể đo từng đoạn rồi cộng).</p> <p>b)Quãng đường Sên Xanh đi ngắn hơn quãng đường Sên Đỏ đi là:</p> $14-10 = 4 \text{ (cm)}$ <p>Đáp số: 4 cm.</p>	<p>- HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>-HS xác định cái đã cho (bằng cách đo rồi tính đoạn đường đi của từng bạn sên) và câu hỏi của bài toán, xác định việc cần làm: giải bài toán.</p>
	<p><b>Bài 5:</b></p> <p>-HS nêu yêu cầu bài tập</p> <p>-HD HS xem lịch, xem đồng hồ</p> <p>-GV theo dõi , hướng dẫn</p> <p>-GV nhận xét, củng cố</p>	<p>-HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>-HS thực hiện: đọc ngày tháng, đọc giờ và nói kết quả cho bạn nghe trong nhóm đôi</p> <p>-HS khác nhận xét</p>
	<p><b>Đất nước em</b></p> <p>GV giúp HS xác định vị trí Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Quảng Ngãi trên bản đồ (SGK trang 130)</p>	<p>-HS lắng nghe</p> <p>-HS xác định</p>
<b>3'</b>	<p><b>C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ</b></p> <p>- Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau.</p>	-HS lắng nghe, thực hiện



## TOÁN

### Em làm được những gì? (Tiết 1)

#### I. Mục tiêu:

##### *\*Kiến thức, kỹ năng:*

- Củng cố các kiến thức, kỹ năng về số và phép tính.
- Thứ tự các số; sử dụng các thuật ngữ số liền trước, số liền sau để diễn tả số.
- GQVĐ đơn giản liên quan đến quan hệ thứ tự của số.
- Cấu tạo số trong phạm vi 100 và các phép tính có liên quan.
- Tính nhẩm, tính viết trong phạm vi 100.
- Cộng trừ qua 10 trong phạm vi 20.
- Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính.
- Củng cố các kiến thức, kỹ năng về hình học và đo lường.

- Thực hành xếp hình.
  - GQVĐ đơn giản liên quan đến đường thẳng, đường cong, đường gấp khúc.
- GQVĐ đơn giản liên quan đến độ dài.

**\*Năng lực, phẩm chất:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.
- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.
- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập, trung thực, trách nhiệm

\*Tích hợp: TN & XH

**III. Chuẩn bị:**

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có)
- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV

**III. Các hoạt động dạy học:**

<b>TL</b>	<b>Hoạt động của giáo viên.</b>	<b>Hoạt động của học sinh.</b>
<b>2'</b>	<b>A.KHỞI ĐỘNG :</b> - GV cho HS bắt bài hát - Vào bài mới	- HS hát - HS lắng nghe
<b>30'</b>	<b>C.LUYỆN TẬP</b>	
	<b>Bài 1:</b> - HS nêu yêu cầu bài tập - HD HS tìm hiểu từng câu, thực hiện rồi trình bày. a) Với mỗi số đều có thể nói theo hai cách: liền trước, liền sau. b) ? có thể là 19 hoặc 20. c) - Nhiều hơn 18 nhưng ít hơn 21 cái thì có thể là 19 hay 20 cái. - Số bút chì không là 20 vì 20 là số liền trước của 21. - Vậy số bút chì của mèo con là 19.  - GV nhận xét Thư giãn GV đọc bài thơ Mèo con đi học.	- HS nêu yêu cầu bài tập. - HS thực hiện theo nhóm đôi  - HS khác nhận xét  - HS nghe bài thơ: Mèo con đi học



	<p><b>Bài 2:</b></p> <p>-HS nêu yêu cầu bài tập</p> <p>--HD HS thực hiện ở bảng con</p> <p>-GV nhận xét.</p>	<p>- HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>-HS thực hiện</p> <p>-HS khác nhận xét</p>
	<p><b>Bài 3:</b></p> <p>-HS nêu yêu cầu bài tập</p> <p>-HD HS thực hiện ở bảng con</p> <p>-GV nhận xét, lưu ý cách đặt tính đúng</p>	<p>-HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>-HS thực hiện</p> <p>-HS khác nhận xét</p>
	<p><b>Bài 4:</b></p> <p>-HS nêu yêu cầu bài tập</p> <p>-HD HS <i>Gộp cho đủ chục rồi cộng với số còn lại.</i> <i>Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại.</i></p> <p>-GV hỏi kết quả, cách tính</p> <p>-GV nhận xét sửa chữa</p>	<p>- HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>-HS trả lời nhanh</p> <p>-HS khác nhận xét</p>
3'	<p><b>C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ</b></p> <p>- Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau.</p>	<p>-HS lắng nghe, thực hiện</p>

## TOÁN

# Em làm được những gì? (Tiết 2)

### I.Mục tiêu:

#### \*Kiến thức, kĩ năng:

- Củng cố các kiến thức, kĩ năng về số và phép tính.
- Thứ tự các số; sử dụng các thuật ngữ số liền trước, số liền sau để diễn tả số.
- GQVĐ đơn giản liên quan đến quan hệ thứ tự của số.
- Cấu tạo số trong phạm vi 100 và các phép tính có liên quan.
- Tính nhẩm, tính viết trong phạm vi 100.
- Cộng trừ qua 10 trong phạm vi 20.
- Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính.
- Củng cố các kiến thức, kĩ năng về hình học và đo lường.
- Thực hành xếp hình.
- GQVĐ đơn giản liên quan đến đường thẳng, đường cong, đường gấp khúc.
- GQVĐ đơn giản liên quan đến độ dài.

#### \*Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập, trung thực, trách nhiệm

\*Tích hợp: TN & XH

### III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có)

- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV

### III. Các hoạt động dạy học:

<i>TL</i>	<i>Hoạt động của giáo viên.</i>	<i>Hoạt động của học sinh.</i>
<b>2'</b>	<b>A.KHỞ ĐỘNG :</b> - GV cho HS bắt bài hát - Vào bài mới	- HS hát - HS lắng nghe
<b>30'</b>	<b>C.LUYỆN TẬP</b>	
	<b>Bài 5:</b> -HS nêu yêu cầu bài tập -HD HS áp dụng cộng, trừ qua 10 trong phạm vi 20 để giải quyết -GV nhận xét.	- HS nêu yêu cầu bài tập. -HS thực hiện  -HS khác nhận xét
	<b>Bài 6:</b>  -HS nêu yêu cầu bài tập -GV dùng hình minh họa làm mẫu -HD HS vận dụng cộng, trừ trong phạm vi 20 để làm -GV nhận xét	-HS nêu yêu cầu bài tập.  -HS thực hiện -HS khác nhận xét
	<b>Bài 7:</b> -HS nêu yêu cầu bài tập -HD HS thực hành xếp hình. -GV nhận xét	-HS nêu yêu cầu bài tập. -HS thực hiện theo nhóm đôi -HS khác nhận xét
	<b>Bài 8:</b> -HS nêu yêu cầu bài tập -HD HS nhóm đôi quan sát hình ảnh, nhận biết đường đi của mỗi bạn.	- HS nêu yêu cầu bài tập.  -HS thực hiện theo nhóm đôi

	<p>- Thực hiện từng câu.</p> <p>a) Sai (chỉ có hai đường gấp khúc).</p> <p>b) Đúng (<math>3 \text{ cm} + 5 \text{ cm} + 3 \text{ cm} = 11 \text{ cm}</math>).</p> <p>c) Sai (<math>10 \text{ cm} + 2 \text{ cm} = 12 \text{ cm}</math>).</p> <p>d) Đúng (<math>10 \text{ cm} = 1 \text{ dm}</math>).</p> <p>-GV nhận xét</p>	-HS khác nhận xét
3'	<p><b>C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ</b></p> <p>- Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau.</p>	-HS lắng nghe, thực hiện

## TOÁN

### Em làm được những gì? (Tiết 3)

#### I. Mục tiêu:

##### \*Kiến thức, kỹ năng:

- Củng cố các kiến thức, kỹ năng về số và phép tính.
  - Thứ tự các số; sử dụng các thuật ngữ số liền trước, số liền sau để diễn tả số.
  - GQVĐ đơn giản liên quan đến quan hệ thứ tự của số.
  - Cấu tạo số trong phạm vi 100 và các phép tính có liên quan.
  - Tính nhẩm, tính viết trong phạm vi 100.
  - Cộng trừ qua 10 trong phạm vi 20.
  - Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính.
  - Củng cố các kiến thức, kỹ năng về hình học và đo lường.
  - Thực hành xếp hình.
  - GQVĐ đơn giản liên quan đến đường thẳng, đường cong, đường gấp khúc.
- GQVĐ đơn giản liên quan đến độ dài.

##### \*Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.
- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.
- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập, trung thực, trách nhiệm

##### \*Tích hợp: TN & XH

#### III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có)

- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV

### III. Các hoạt động dạy học:

<i>TL</i>	<i>Hoạt động của giáo viên.</i>	<i>Hoạt động của học sinh.</i>
<b>2'</b>	<b>A.KHỞI ĐỘNG :</b> - GV cho HS bắt bài hát - Vào bài mới	- HS hát -HS lắng nghe
<b>30'</b>	<b>C.LUYỆN TẬP</b>  <b>Bài 9:</b> -HS nêu yêu cầu bài tập Tìm hiểu bài, nhóm đôi tập nói tóm tắt ngắn gọn. Hôm qua: 9 ngôi sao. Hôm nay: 8 ngôi sao. Cả hai ngày: ... ngôi sao? Trình bày bài giải. -GV nhận xét, sửa chữa  <b>*Vui học:</b> -Tìm hiểu bài: - Tìm chiều cao mỗi bạn. - Trong ba bạn, có ai đã biết chiều cao? (Cà Tím 15 cm). - Tìm chiều cao hai bạn còn lại theo Cà Tím. GV hướng dẫn: • Cà Tím thấp hơn Ngô (Bắp) 3 cm tức là Ngô cao hơn Cà Tím 3 cm. • Cà Tím cao hơn Cà Chua 9cm tức là Cà Chua thấp hơn Cà Tím 9 cm. <b>*Khám phá</b> - HD HS tìm hiểu bài, giải thích từng bức tranh. Miệng bình nhỏ, đầu quạ không chui vào được để uống nước. Quạ thả sỏi vào bình. Quạ uống nước. - Các nhóm giải thích tại sao quạ uống được nước. - GV có thể liên hệ thực tế: Khi pha nước chanh đá, người ta cho vào li: nước lọc, đường, chanh sao cho chỉ chiếm khoảng nửa li, tại sao vậy? (Vì khi cho	- HS nêu yêu cầu bài tập.  -HS thực hiện Bài giải Số ngôi sao Mai gấp cả hai ngày: $6 + 8 = 17$ (ngôi sao) Đáp số: 17 ngôi sao. -HS khác nhận xét  -HS tìm hiểu  -HS trả lời  - HS nhóm bốn tìm hiểu bài, giải thích từng bức tranh.  -HS trả lời: Thả sỏi vào, nước dâng lên (lượng nước vẫn thế, sức chứa ít đi).  -HS nhận biết

	<p>nước đổ vào, nước trong li dâng lên đầy li).</p> <p><b>*Thử thách</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HD HS nhóm sáu tìm hiểu bài, các em có thể viết các phép tính minh họa.</li> <li>- Các nhóm trình bày, có thể có nhiều cách giải thích:</li> </ul> <p>Đếm thêm 3: 2,5,8,11, 14,17.  Vào thứ Bảy, cây cao 17 dm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bạn nào cao 17 dm?</li> </ul> <p><b>*Đặt nước em</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hd HS quan sát ảnh ruộng bậc thang.</li> <li>- GV giới thiệu đôi nét về ruộng bậc thang và vẻ đẹp của nó.</li> <li>- HS nhận biết hình ảnh các đường cong trong ảnh.</li> <li>- HD HS tìm vị trí tỉnh Yên Bái trên <i>bản đồ</i></li> </ul> <p>-GV nhận xét.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nhóm sáu tìm hiểu bài, viết các phép tính minh họa.</li> </ul> $2 + 3 = 5$ $5 + 3 = 8$ <p>.....</p> $14 + 3 = 17$ <ul style="list-style-type: none"> <li>-HS quan sát ảnh ruộng bậc thang.</li> <li>-HS chỉ các đường cong trong ảnh</li> <li>-HS tìm vị trí tỉnh Yên Bái trên <i>bản đồ</i></li> </ul>
<p><b>3'</b></p>	<p><b>C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-HS lắng nghe, thực hiện</li> </ul>

## **TOÁN**

### **NHIỀU HƠN HAY ÍT HƠN BAO NHIÊU (Tiết 2)**

#### **I.Mục tiêu:**

**\*Kiến thức, kĩ năng:**

- Nhận biết nhiều hơn, ít hơn.
- Vận dụng GQVĐ liên quan:
- Tìm xem hai nhóm đối tượng nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu qua việc so sánh hai số hơn kém bao nhiêu đơn vị.

**\*Năng lực, phẩm chất:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.
- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.
- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

\*Tích hợp: TN & XH

**III. Chuẩn bị:**

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có); 20 khối lập phương
- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV; 10 khối lập phương

**III. Các hoạt động dạy học:**

<b>TL</b>	<b>Hoạt động của giáo viên.</b>	<b>Hoạt động của học sinh.</b>
<b>3'</b>	<b>A.KHỞ ĐỘNG :</b> -GV cho HS bắt bài hát -Ổn định , vào bài	- HS hát
<b>20'</b>	<b>B.LUYỆN TẬP :</b> <b>Hoạt động: Luyện tập</b>  <b>*Bài 1:</b> -Nêu yêu cầu bài tập - HS nhóm đôi nhận biết đây là bài toán tìm phần chênh lệch. (GV có thể sử dụng phương pháp mảnh ghép để tổ chức cho HS luyện tập câu a và câu b.) -GV có thể khuyến khích nhiều nhóm HS nói. Mở rộng: cách nói về tuổi, có thể dùng từ “lớn hơn... tuổi” hoặc “nhỏ / bé hơn ... tuổi”.  - GV nhận xét, củng cố	-HS nêu yêu cầu bài tập  -HS làm việc theo nhóm  -HS trả lời

	<p><b>Bài 2:</b></p> <p>-HS thảo luận, nhận biết các nhiệm vụ cần làm: cách phổ biến nhất là đo từng băng giấy rồi làm tính trừ (<math>10\text{ cm} - 6\text{ cm} = 4\text{ cm}</math>).</p> <p>-Khi các nhóm trình bày, GV giúp đỡ các em giải thích từng bước làm.</p> <p>-Nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu chính là bài toán tìm phần chênh lệch.</p> <p>-GV có thể cho HS chơi “Ai nhanh hơn”.</p> <p>Ví dụ:</p> <p>- GV nói: 8 cái bánh, 1 cái kẹo.</p> <p>HS nhóm đôi: viết phép tính trừ vào bảng con, nhóm nào viết xong trước nhất thì chạy lên trước lớp đứng, giơ bảng cho cả lớp xem và nói:</p> <p>HS 1. Bánh nhiều hơn kẹo 7 cái.</p> <p>HS 2: Kẹo ít hơn bánh 7 cái</p>	<p>- HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>-HS thực hiện</p> <p>-HS khác nhận xét, bổ sung.</p>
12'	<p><b>C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ</b></p> <p>- GV: Nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu chính là bài toán tìm phần chênh lệch.</p> <p>- GV có thể cho HS chơi “Ai nhanh hơn”.</p> <p>Ví dụ:</p> <p>GV nói: 8 cái bánh, 1 cái kẹo.</p> <p>HS nhóm đôi: viết phép tính trừ vào bảng con, nhóm nào viết xong trước nhất thì chạy lên trước lớp đứng, giơ bảng cho cả lớp xem và nói:</p> <p>HS 1. Bánh nhiều hơn kẹo 7 cái.</p> <p>-GV nhận xét, tuyên dương</p>	<p>-HS chơi trò chơi</p> <p>-HS trả lời, thực hiện</p>

## TOÁN

### Em làm được những gì? ( Tiết 1)

#### I.Mục tiêu:

##### \*Kiến thức, kĩ năng:

- Ôn tập: tên gọi các thành phần của phép tính cộng và phép tính trừ.
- Củng cố ý nghĩa của phép cộng, phép trừ: Dựa vào hình ảnh, nói được tình huống dẫn đến phép cộng, phép trừ.
- Sử dụng sơ đồ tách - gộp số để nhận biết mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ.
- Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính (+, -).
- Hệ thống hoá các kiến thức đã học về số, phép tính, giải toán.



**\*Năng lực, phẩm chất:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.
- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.
- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

\*Tích hợp: Toán học và cuộc sống; TN & XH

**III. Chuẩn bị:**

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có).
- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. Các hoạt động dạy học:**

<b>TL</b>	<b>Hoạt động của giáo viên.</b>	<b>Hoạt động của học sinh.</b>
<b>8'</b>	<b>A.KHỞ ĐỘNG :</b> -Trò chơi: ĐÓ BẠN +GV: Tám mươi bảy gồm mấy chục và mấy đơn vị? +Cả lớp: 87 gồm 8 chục và 7 đơn vị hay 80 và 7. +GV: Gộp 80 và 7 được số nào? +Cả lớp: Gộp 80 và 7 được 87. -Sau đó HS chơi theo nhóm đôi hoặc chơi theo đội. -GV vào bài	-HS chơi
<b>22'</b>	<b>B.LUYỆN TẬP :</b> <b>Hoạt động: Luyện tập</b> <b>Bài 1:</b> -Nhóm hai HS tìm hiểu bài, nhận biết • Yêu cầu của bài: số? • Tìm quy luật dãy số (câu a: thêm 1; câu b: thêm 2; câu c: thêm 10). - Khi sửa bài, khuyến khích HS giải <b>thích</b> tại sao điền như vậy. Ví dụ: a) Em đếm thêm 1. b) Em đếm thêm 2.	-HS nêu yêu cầu bài tập -HS làm ở bảng con  -HS trả lời

	<p>c) Em đếm thêm 10.</p> <p>- GV nhận xét, củng cố</p>	
'	<p><b>Bài 2:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nhóm đôi tìm hiểu mẫu, nhận biết yêu cầu rồi thực hiện.</li> <li>• Phân tích cấu tạo số: 73 gồm 70 và 3.</li> <li>• Viết bốn phép tính với ba số: 73; 70 và 3.</li> <li>- Sửa bài, khuyến khích HS phân tích cấu tạo số.</li> </ul> <p>Mở rộng: Với ba số mà ta có thể viết thành phép cộng hay phép trừ, người ta gọi đó là các số gia đình</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-HS nêu</li> <li>-G nhận xét</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nêu yêu cầu bài tập.</li> <li>-HS trả lời</li> <li>-HS khác nhận xét, bổ sung.</li> </ul>
	<p><b>Bài 3:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Nêu yêu cầu bài tập</li> <li>-HD HS thực hiện</li> <li><math>34 + 52 = 86</math></li> <li>34 là số hạng</li> <li>52 là số hạng</li> <li>86 là tổng</li> <li>-HS nhóm đôi che từng số trong sơ đồ tách- gộp rồi đọc phép tính để tìm số bị chia.</li> <li>-HS thay ? bằng phép tính thích hợp</li> <li>-GV nhận xét ,bổ sung</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nêu yêu cầu bài tập.</li> <li>-HS làm bài</li> <li>-HS khác nhận xét, bổ sung.</li> </ul>
	<p><b>Bài 4:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS tìm hiểu bài, <b>nhận biết:</b> đặt tính rồi tính</li> <li>- HS <b>thực hiện</b> (bảng con).</li> <li>- Sửa bài.</li> <li>• HS <b>làm</b> tiên bảng lớp (Mỗi HS làm một phép tính).</li> <li>* Lưu ý HS đặt đúng phép tính <math>8 + 41</math></li> <li>-GV nhận xét ,bổ sung</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nêu yêu cầu bài tập.</li> <li>-HS làm bài</li> <li>-HS khác nhận xét, bổ sung.</li> </ul>
5'	<p><b>C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-HS trả lời, thực hiện</li> </ul>





